

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2025/QĐ-UBND

*Bắc Ninh, ngày 31 tháng 10 năm 2025***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCT quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BCT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 81/TTr-SCT ngày 29 tháng 9 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2025 và thay thế Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy chế quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký
Phạm Văn Thịnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm của các sở, ban, ngành (sau đây gọi chung là các sở, ngành), Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là UBND cấp xã), chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện quản lý đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Các quy định liên quan đến địa bàn cấp huyện, liên huyện trong lĩnh vực quản lý, phát triển cụm công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 2; điểm c khoản 2 Điều 4; điểm b khoản 1 Điều 6; điểm a, điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 8; điểm a khoản 1 Điều 9; khoản 4 Điều 10 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP về Quản lý, phát triển cụm công nghiệp, được nêu tại Điều 12 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương được áp dụng tương ứng đối với địa bàn cấp xã, liên xã.

3. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

b) Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

c) Các sở, ngành, UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý và phương thức phối hợp**1. Nguyên tắc quản lý**

a) Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ và phân công trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị và UBND cấp xã để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Việc phối hợp quản lý dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã nhằm đảm bảo sự thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong quá trình đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp nhưng không làm giảm vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền và không cản trở công việc của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Phương thức phối hợp

Căn cứ vào tính chất, nội dung của công tác quản lý nhà nước, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng các phương thức phối hợp sau:

a) Tổ chức làm việc tập trung thông qua các cuộc họp trực tiếp để các bên tham gia thảo luận và ghi nhận kết quả làm việc bằng biên bản hoặc thông báo kết luận;

b) Cơ quan chủ trì gửi văn bản xin ý kiến kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan để cơ quan phối hợp nghiên cứu có ý kiến về công việc cần phối hợp;

c) Thành lập đoàn kiểm tra, rà soát liên ngành gồm thành viên của các cơ quan liên quan để triển khai nội dung công việc theo kế hoạch được duyệt;

d) Tổ chức gặp gỡ, đối thoại với tổ chức đầu tư sản xuất, kinh doanh trong các cụm công nghiệp để trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở các lĩnh vực có liên quan;

đ) Cơ quan phối hợp cung cấp thông tin chuyên ngành về cụm công nghiệp đến cơ quan chủ trì để theo dõi;

e) Cơ quan chủ trì có thể phối hợp các hình thức giải quyết trên để đạt hiệu quả cao nhất trong công việc;

g) Căn cứ vào kế hoạch, chương trình hoạt động liên quan đến công tác quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp do các cơ quan quản lý chuyên ngành lập hoặc được giao hàng năm, cơ quan quản lý chuyên ngành thông báo nội dung để Sở Công Thương tổng hợp làm cơ sở bố trí phối hợp quản lý. Đối với các chương

trình công tác đột xuất, các cơ quan chuyên ngành thông báo với Sở Công Thương, UBND cấp xã để phối hợp thực hiện;

h) Các quyết định, văn bản, hướng dẫn, kết quả xử lý, kết luận, kiến nghị liên quan đến quản lý và hoạt động của cụm công nghiệp thì cơ quan chủ trì gửi Sở Công Thương 01 (một) bản để tổng hợp, theo dõi.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 3. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Sở Công Thương

a) Xây dựng, trình và tổ chức thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp, quy chế quản lý cụm công nghiệp, chính sách hỗ trợ đầu tư, phát triển cụm công nghiệp, kế hoạch và dự toán kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là UBND tỉnh) quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; rút khỏi quy hoạch để chuyển đổi cụm công nghiệp sang mục đích khác;

c) Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành thường xuyên cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

d) Tham gia ý kiến các hồ sơ, thủ tục liên quan đến triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (thu hồi đất, cho thuê đất, phê duyệt quy hoạch chi tiết, thiết kế cơ sở dự án đầu tư, phê duyệt các thủ tục môi trường, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy) theo quy định của pháp luật;

đ) Lập danh mục dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy hoạch và phương án phát triển cụm công nghiệp được phê duyệt, gửi Sở Tài chính tổng hợp vào danh mục dự án thu hút đầu tư hàng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);

e) Chủ trì phối hợp với UBND cấp xã thống nhất, báo cáo UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho một UBND cấp xã làm đầu mối quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trong trường hợp cụm công nghiệp nằm trên hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

2. Sở Tài chính

a) Cấp, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho doanh nghiệp thứ cấp trong cụm công nghiệp theo quy định, đáp ứng yêu cầu về định hướng thu hút đầu tư, môi trường, sử dụng đất, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thẩm định, trình UBND tỉnh chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, chấm dứt hoạt động dự án theo quy định của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

b) Phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các nội dung quy định tại điểm b, d, đ khoản 1 Điều này;

c) Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh cân đối nguồn vốn đầu tư công để hỗ trợ đầu tư, phát triển hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn theo đề nghị của Sở Công Thương, đảm bảo theo quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và quy định pháp luật liên quan;

d) Phối hợp với Sở Công Thương tham mưu, đề xuất UBND tỉnh cân đối từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tổ chức thẩm định hồ sơ cho thuê đất, thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo phân cấp và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Hướng dẫn UBND cấp xã thẩm định hồ sơ cho thuê đất, thực hiện ký hợp đồng thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các tổ chức đầu tư sản

xuất, kinh doanh thực hiện dự án trong cụm công nghiệp trên cơ sở đề xuất của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu, tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi và cấp lại Giấy phép khai thác tài nguyên nước và Giấy phép môi trường, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải; tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, khí thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định;

d) Kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật của các cụm công nghiệp xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có) theo quy định của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14.

4. UBND cấp xã

a) Đề xuất xây dựng phương án phát triển, thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; hỗ trợ chủ đầu tư triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, quản lý hiệu quả các cụm công nghiệp; tiếp nhận, giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các thủ tục liên quan đến dự án đầu tư trong cụm công nghiệp trên địa bàn;

b) Quyết định hỗ trợ hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài cụm công nghiệp; phê duyệt, thực hiện kế hoạch di dời doanh nghiệp, cơ sở sản xuất vào cụm công nghiệp và hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết các tranh chấp về lao động, đình công theo quy định trong các cụm công nghiệp trên địa bàn;

d) Cấp Giấy phép xây dựng, kiểm tra việc thực hiện theo Giấy phép xây dựng và tình hình trật tự xây dựng theo phân cấp; tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo thẩm quyền;

đ) Tổ chức thẩm định hồ sơ cho thuê đất, thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và hộ kinh doanh thực hiện dự án trong cụm công nghiệp trên cơ sở đề xuất của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo phân cấp và các quy định của pháp luật liên quan;

e) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và các quy định khác về cụm công nghiệp trên địa bàn cấp xã theo thẩm quyền; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Sở Công Thương, UBND tỉnh về tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn.

5. Các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp xã, đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thành phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP; có văn bản báo cáo UBND tỉnh về phương án phát triển cụm công nghiệp.

2. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp tham gia ý kiến gửi Sở Công Thương hoàn thiện dự thảo phương án phát triển cụm công nghiệp, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo đơn vị chủ trì lập quy hoạch tích hợp vào Quy hoạch tỉnh theo quy định.

3. Nội dung quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh thể hiện phương án phát triển cụm công nghiệp có danh mục các cụm công nghiệp trong kỳ quy hoạch gồm tên gọi, địa điểm, quy mô diện tích cụm công nghiệp và nội dung khác (nếu có).

Điều 5. Điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp

1. UBND cấp xã có văn bản đề xuất điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn (bao gồm việc điều chỉnh diện tích, bổ sung, bãi bỏ cụm công nghiệp rút khỏi phương án phát triển cụm công nghiệp), gửi Sở Công Thương.

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp xã, đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thành báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP; có văn bản báo cáo UBND tỉnh về điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp.

3. Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan phối hợp tham gia đóng góp ý kiến, gửi Sở Công Thương hoàn thiện dự

thảo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo đơn vị chủ trì lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh tích hợp vào Quy hoạch điều chỉnh theo quy định.

4. Nội dung quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thể hiện điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp có danh mục các cụm công nghiệp trong kỳ quy hoạch gồm tên gọi, địa điểm, quy mô diện tích cụm công nghiệp và nội dung khác (nếu có).

Điều 6. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

a) Các điều kiện thành lập, mở rộng cụm công nghiệp được quy định tại Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP trong đó địa bàn cấp huyện, liên huyện được quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quy chế này;

b) Hồ sơ đề nghị, trình tự, nội dung thẩm định và nội dung quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 9, 10, 11, 12 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP;

c) Tiếp nhận, lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp: Văn bản đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức phải được tiếp nhận tại trung tâm hành chính công cấp xã theo trình tự thủ tục hành chính đã được công bố; UBND cấp xã thông báo việc tiếp nhận, thời gian lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương sau khi có văn bản đồng ý thực hiện việc thu hút đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh. Tiếp nhận, lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 10 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và thủ tục hành chính được công bố;

d) Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định, báo cáo UBND tỉnh quyết định thành lập,

mở rộng cụm công nghiệp; thường xuyên rà soát, đánh giá hiện trạng quy hoạch và các điều kiện thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, đề xuất định hướng thu hút các ngành nghề đối với các cụm công nghiệp dự kiến thành lập, mở rộng, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trước khi triển khai việc thu hút nhà đầu tư, đảm bảo hiệu quả, chống lãng phí và đáp ứng các mục tiêu, định hướng phát triển công nghiệp từng thời kỳ.

b) Sở Tài chính: Thẩm định về tư cách pháp lý, năng lực tài chính của chủ đầu tư; định hướng, giải pháp thu hút đầu tư; ngành nghề, mục tiêu thu hút đầu tư; hiệu quả kinh tế - xã hội và các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao; cơ cấu, khả năng cân đối và các giải pháp huy động các nguồn vốn đầu tư; nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư; chính sách ưu đãi (nếu có) đối với dự án của chủ đầu tư; chi phí liên quan và các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý;

c) Sở Xây dựng: Thẩm định các nội dung về sự phù hợp quy hoạch xây dựng của dự án, tiêu chuẩn quy hoạch và các nội dung liên quan đến quản lý lĩnh vực quy hoạch; sơ bộ tổng mức đầu tư, khả năng đầu nối hạ tầng và các nội dung liên quan đến quản lý lĩnh vực xây dựng; sự phù hợp của dự án về mức độ ảnh hưởng việc triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp đến phương án phát triển mạng lưới giao thông, hiện trạng hạ tầng giao thông, khả năng đáp ứng giao thông bên trong và bên ngoài cụm công nghiệp khi dự án đi vào hoạt động (đầu nối, an toàn giao thông...) và các nội dung liên quan đến quản lý lĩnh vực giao thông vận tải;

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thẩm định sự phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư (nếu có); các yêu cầu về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14: Đánh giá hiện trạng môi trường, công tác quản lý môi trường, khả năng tiếp nhận chất thải xung quanh khu vực dự kiến thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; dự báo những nguồn thải, tác động môi trường của các ngành, nghề dự kiến thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp và phương án quản lý môi trường; các nội dung liên quan đến quản lý lĩnh vực tài nguyên và môi trường; sự phù hợp của dự án đối với các

quy hoạch lĩnh vực nông nghiệp bao gồm cả đê điều, thủy lợi, đầu nổi xả, thoát nước thải;

đ) Công an tỉnh: Phối hợp, tham gia ý kiến về vị trí, địa điểm thực hiện dự án và quy hoạch đất an ninh.

Điều 7. Điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

a) Trong quá trình triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện việc điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định. Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh báo cáo Sở Công Thương chủ trì thẩm định; đối với trường hợp cụm công nghiệp không triển khai thực hiện theo quyết định thành lập, mở rộng, UBND cấp xã lập hồ sơ gửi Sở Công Thương để chủ trì tham mưu UBND tỉnh xem xét việc bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp;

b) Trên cơ sở nội dung đề nghị điều chỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp xã nơi có cụm công nghiệp thẩm định, báo cáo UBND tỉnh quyết định việc điều chỉnh thành lập, mở rộng cụm công nghiệp;

c) Sở Tài chính: Thẩm định về khả năng đáp ứng tài chính của chủ đầu tư tại thời điểm đề nghị điều chỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; khả năng đáp ứng các điều kiện, trình tự thủ tục điều chỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; thông tin của chủ đầu tư (nếu có thay đổi); nội dung đề nghị điều chỉnh liên quan đến lĩnh vực quản lý;

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thẩm định về tình hình sử dụng đất, chấp hành các quy định về đất đai, môi trường của chủ đầu tư; nội dung đề nghị điều chỉnh liên quan đến lĩnh vực quản lý;

đ) Sở Xây dựng: Thẩm định về điều kiện, trình tự thủ tục điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án; sự phù hợp của tổng mức đầu tư đề nghị điều chỉnh; các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý;

e) Công an tỉnh: Thẩm định việc thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy theo Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Thông tư số 36/2025/TT-BCA Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Thông tư số 37/2025/TT-BCA Quy định nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân; Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050;

g) UBND cấp xã: Thẩm định về tình hình thực hiện các quy định về đất đai, xây dựng, môi trường, an ninh trật tự của chủ đầu tư; nội dung đề nghị điều chỉnh liên quan đến lĩnh vực quản lý.

2. Lựa chọn chủ đầu tư khác

a) Đối với nội dung thay đổi chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong quyết định thành lập cụm công nghiệp thì việc đánh giá, lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP;

b) Giao UBND cấp xã quản lý đối với cụm công nghiệp đã được hình thành trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp huyện (cũ) hoặc UBND cấp xã quản lý trước ngày 01/7/2025. UBND cấp xã đề xuất phương án xử lý gửi Sở Công Thương tổng hợp báo cáo UBND tỉnh lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức hoặc đơn vị sự nghiệp có đủ năng lực để quản lý, bảo trì và vận hành hạ tầng kỹ thuật của cụm công nghiệp.

Điều 8. Xử lý thành lập cụm công nghiệp có trong phương án phát triển cụm công nghiệp hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã và các sở, ngành có liên quan tổ chức rà soát, hoàn thiện thủ tục thành lập cụm công nghiệp theo Nghị định

số 32/2024/NĐ-CP đối với cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư có trong phương án phát triển cụm công nghiệp được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh và hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Ban hành quy chế quản lý cụm công nghiệp.

2. Nội dung Quyết định thành lập cụm công nghiệp đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

3. Việc đánh giá, lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 2 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

4. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật hình thành từ ngân sách nhà nước trong cụm công nghiệp được xử lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

Điều 9. Lập, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn tại Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; Nghị định số 178/2025/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 145/2025/NĐ-CP Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 16/2025/TT-BXD Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp. Nội dung quy hoạch chi tiết xây dựng phù hợp với Quyết định thành lập, báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng hiện hành, đảm bảo mật độ xây dựng nhà máy, xí nghiệp theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng hiện hành; phải bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi,

bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; đảm bảo quy định tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

3. Phương án quy hoạch phân lô phải đáp ứng theo quy định pháp luật hiện hành, diện tích tối thiểu của lô đất xây dựng nhà máy, kho tàng là 1000 m²; riêng diện tích tối thiểu của lô đất xây dựng nhà máy, kho tàng trong cụm công nghiệp làng nghề là 500 m².

4. Trong quá trình triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp theo quy định. Việc lập, thẩm định và trình duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

5. UBND cấp xã tổ chức phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp trên địa bàn và kiểm tra việc tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng theo thẩm quyền và quy định pháp luật về đầu tư xây dựng.

6. Sở Xây dựng: Tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp theo quy định trong trường hợp cụm công nghiệp nằm trên hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên và các trường hợp khác theo thẩm quyền.

Điều 10. Lập, phê duyệt, điều chỉnh, chấm dứt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14, Nghị định số 175/2024/NĐ-CP Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 105/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tổ chức lập, phê duyệt và thực hiện dự án đầu tư xây dựng; tổ chức lập, phê duyệt và thực hiện thiết kế xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Nội dung dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ

thuật cụm công nghiệp phù hợp với nội dung báo cáo đầu tư, mở rộng cụm công nghiệp, quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt.

3. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

4. Sở Công Thương và các sở, ngành liên quan, Công an tỉnh, UBND cấp xã có trách nhiệm cho ý kiến thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 11. Thực hiện các thủ tục về môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tiến hành lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, hồ sơ cấp Giấy phép môi trường gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định;

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường theo thẩm quyền.

Điều 12. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Hồ sơ, trình tự thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. UBND cấp xã thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo và tổ chức tuyên truyền, vận động đến các tổ chức, cá nhân về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; thực hiện giải phóng mặt bằng theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chỉ đạo thành lập, yêu cầu Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đơn vị có chức năng thực hiện nhiệm vụ lập phương án (tổng thể và chi tiết) bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn UBND cấp xã và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp về công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định pháp luật về đất đai.

4. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ xin thu hồi đất, giao đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng theo quy định của nhà nước và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

5. Các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 13. Tiếp nhận và thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường đối với các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp chỉ được tiếp nhận dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp khi có đầy đủ công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, phù hợp với mục tiêu ngành nghề được phê duyệt theo quyết định thành lập cụm công nghiệp và đảm bảo theo quy định của Luật Kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 và đối với việc tiếp nhận các dự án đầu tư mới, nâng công suất của cơ sở đang hoạt động theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

2. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm báo cáo UBND cấp xã về việc tiếp nhận doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vào thuê đất đầu tư sản xuất kinh doanh.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục về đầu tư đối với các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định pháp luật có liên quan.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư vào cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật về chuyên gia công nghệ; chủ trì thực hiện xác định công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp gồm: Bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự; thông tin liên lạc; cấp nước, thoát nước; vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải; phòng cháy, chữa cháy; duy tu, bảo dưỡng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ tiện ích khác.

2. Giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích được xác định trên nguyên tắc thỏa thuận thông qua hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Trường hợp không thỏa thuận được, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm báo cáo UBND cấp xã xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; xây dựng, phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trên cơ sở ý kiến của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, không trái quy định của pháp luật.

4. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động trong cụm công nghiệp có trách nhiệm thỏa thuận, ký kết hợp đồng sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công cộng, tiện ích chung đúng mục đích và thực hiện các nghĩa vụ đầy đủ theo quy định trong hợp đồng đã được ký kết.

5. Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp đảm bảo theo mẫu số 04 tại phụ lục II kèm theo Thông tư số 14/2024/TT-BCT Quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

6. Đối với cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách

a) Đơn vị được giao làm chủ đầu tư chủ trì xây dựng phương án giá sử dụng các

dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp phù hợp với tình hình thực tế của từng cụm công nghiệp, gửi Sở Tài chính thẩm định;

b) Sở Tài chính thẩm định phương án giá dịch vụ trong cụm công nghiệp đảm bảo theo quy định của pháp luật về giá.

Điều 15. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Các nội dung quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh: Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp; tình hình hoạt động của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước

a) Sở Công Thương: Theo dõi, cập nhật, tổng hợp về tình hình hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp xã tổ chức kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các chính sách, pháp luật của Nhà nước và hiệu quả của các dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, xử lý theo thẩm quyền và tham mưu UBND tỉnh xử lý các hành vi vi phạm (nếu có); tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất gửi Bộ Công Thương và UBND tỉnh theo quy định;

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra tình hình quản lý môi trường, sử dụng đất; xử lý theo thẩm quyền và tham mưu UBND tỉnh xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực môi trường, tài nguyên nước, đất đai (nếu có);

c) Sở Xây dựng: Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành về quy hoạch chi tiết xây dựng và tham mưu UBND tỉnh xử lý các hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực quy hoạch (nếu có); kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP và quy định phân cấp quản lý trên địa bàn tỉnh; xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy theo thẩm quyền (nếu có). Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành về Giấy phép xây dựng công trình theo thẩm quyền, phân cấp; xử lý theo thẩm quyền và tham mưu UBND tỉnh xử lý các hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực xây dựng trong trường hợp UBND cấp xã không kịp thời phát hiện,

xử lý vi phạm theo thẩm quyền, phân cấp (nếu có);

d) Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động; cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lao động cho lao động là công dân nước ngoài vào làm việc trong các cụm công nghiệp theo quy định;

đ) Sở Tài chính: Theo dõi, kiểm tra và tổng hợp tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong các cụm công nghiệp;

e) Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy của đơn vị quản lý hạ tầng và các cơ sở sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định tại Nghị định 105/2025/NĐ-CP; Thông tư số 36/2025/TT-BCA; Thông tư số 37/2025/TT-BCA; xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy theo thẩm quyền (nếu có), đảm bảo an ninh trật tự theo quy định của pháp luật, phối hợp thông báo các cụm công nghiệp chưa đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy theo quy định; phối hợp với UBND cấp xã, cơ quan có liên quan bảo đảm an ninh trật tự trong giải quyết các vụ việc đình công, ngừng việc tập thể và tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại các cụm công nghiệp;

g) UBND cấp xã: Chủ trì theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật đối với chủ đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp. Chỉ đạo tuyên truyền, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động, giải quyết tranh chấp lao động, đình công trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo thẩm quyền; tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất với UBND tỉnh, Sở Công Thương; xử lý theo thẩm quyền những hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp trên địa bàn quản lý, kịp thời đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định những nội dung vượt thẩm quyền; chịu trách nhiệm trong công tác quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình thuộc địa bàn quản lý; thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định

của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP và quy định phân cấp quản lý trên địa bàn tỉnh.

3. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Triển khai đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp theo đúng các nội dung được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo quy định pháp luật hiện hành;

b) Thu hút đầu tư, hướng dẫn thủ tục triển khai các dự án đầu tư, di dời vào cụm công nghiệp; chỉ đưa cụm công nghiệp vào kinh doanh khi đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ môi trường theo quy định;

d) Bố trí ít nhất 01 cán bộ phụ trách bảo vệ môi trường có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: Quản lý môi trường; khoa học, công nghệ, kỹ thuật môi trường; hóa học; sinh học và được tập huấn định kỳ hàng năm về công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

đ) Thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; hướng dẫn các doanh nghiệp hoạt động trong cụm công nghiệp thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy trong quá trình đầu tư xây dựng và trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định;

e) Tổng hợp, báo cáo kết quả quan trắc môi trường, công tác bảo vệ môi trường cụm công nghiệp của các cơ sở trong cụm công nghiệp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

4. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp

a) Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh;

b) Thực hiện đầy đủ chế độ, nội dung báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

c) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về lao động và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến người lao động, người sử dụng lao động;

d) Tham gia tích cực vào việc thu hút lao động, giải quyết việc làm tại địa

phương, lập kế hoạch tuyển dụng lao động hàng năm và 05 (năm) năm đăng ký với Sở Nội vụ;

e) Thực hiện đảm bảo các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy tại Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15, Nghị định số 105/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 16. Công tác thông tin, báo cáo

1. Sở Công Thương thực hiện chế độ, nội dung báo cáo theo quy định tại biểu mẫu 04 phụ lục I Thông tư số 14/2024/TT-BCT và Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

2. UBND cấp xã thực hiện chế độ, nội dung báo cáo theo quy định tại biểu mẫu 03 phụ lục I Thông tư số 14/2024/TT-BCT và Thông tư số 38/2025/TT-BCT.

3. Chủ đầu tư chấp hành nghiêm túc chế độ, nội dung báo cáo theo quy định tại biểu mẫu 02 phụ lục I Thông tư số 14/2024/TT-BCT và Thông tư số 38/2025/TT-BCT.

4. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chấp hành nghiêm túc chế độ, nội dung báo cáo theo quy định tại biểu mẫu 01 phụ lục I Thông tư số 14/2024/TT-BCT và Thông tư số 38/2025/TT-BCT.

5. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 69, Điều 70 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; đồng thời gửi các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Thông tư số 14/2024/TT-BCT.

6. Các sở, ngành liên quan theo chức năng nhiệm vụ gửi báo cáo định kỳ, đột xuất và cung cấp thông tin về hoạt động của cụm công nghiệp theo quy định và gửi Sở Công Thương để theo dõi và tổng hợp chung.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của chủ đầu tư cụm công nghiệp, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh tại cụm công nghiệp theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

8. Xử lý vi phạm chế độ báo cáo: Trường hợp vi phạm quy định về báo cáo thống kê, xem xét xử phạt hành chính trong lĩnh vực thống kê theo quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và Luật Thống kê số 89/2015/QH13; Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; Nghị định số 100/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

Điều 17. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Nội dung thanh tra, kiểm tra

a) Thanh tra, kiểm tra đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động trong cụm công nghiệp việc chấp hành pháp luật về đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh, bảo vệ môi trường; phòng cháy, chữa cháy và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;

b) Thanh tra, kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hỗ trợ phục vụ phát triển cụm công nghiệp đúng theo quy định.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra có trách nhiệm thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong cụm công nghiệp; xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng năm theo chuyên ngành gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định;

b) Hàng năm, các sở, ngành, UBND cấp xã lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc triển khai công tác đầu tư hạ tầng kỹ thuật, thu hút đầu tư các dự án thứ cấp vào cụm công nghiệp của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; việc chấp hành chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp. Chủ trì đề xuất UBND tỉnh xử lý vi phạm theo quy định đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp hoạt động kém hiệu quả, không triển khai hoặc triển khai chậm tiến độ, xin gia hạn nhiều lần, vi phạm pháp luật (nếu có);

c) Khi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp

có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc khi có sự cố về môi trường, lao động, y tế, cháy nổ xảy ra thì cơ quan quản lý chuyên ngành và UBND cấp xã tổ chức kiểm tra đột xuất theo quy định; kết thúc cuộc kiểm tra cơ quan chủ trì phải kịp thời báo cáo kết quả với UBND tỉnh, đồng thời thông báo cho Sở Công Thương và các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan để phối hợp đôn đốc doanh nghiệp thực hiện.

Điều 18. Quản lý đối với cụm công nghiệp không có chủ đầu tư

1. UBND cấp xã có trách nhiệm quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật và hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở sản xuất trong cụm công nghiệp không có chủ đầu tư trên địa bàn.

2. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp phải chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật hiện hành về: Hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, đất đai, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy, chế độ báo cáo và các nội dung khác có liên quan.

3. Các cơ quan, đơn vị liên quan khi thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo thẩm quyền có trách nhiệm lấy ý kiến và thông báo kết quả với UBND cấp xã để phối hợp quản lý.

Điều 19. Chuyển đổi cụm công nghiệp

1. Chuyển đổi cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật, phù hợp với lộ trình chuyển đổi trong phương án phát triển cụm công nghiệp.

2. Căn cứ phương án phát triển cụm công nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND cấp xã lập phương án chuyển đổi cụm công nghiệp gửi Sở Công Thương để thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định.

3. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét quyết định phê duyệt phương án chuyển đổi cụm công nghiệp.

4. Căn cứ quyết định phê duyệt phương án chuyển đổi cụm công nghiệp, UBND cấp xã, các sở ngành có liên quan tổ chức thực hiện theo thẩm quyền.

Chương III

TỔ CHỨC THI HÀNH

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Sở Công Thương chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định với Bộ Công Thương, UBND tỉnh.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định./.